



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

LÊ DUY LONG

Trong những năm qua, mặc dù nền kinh tế thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, khó lường nhưng dưới sự lãnh đạo thống nhất của hệ thống chính trị và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, sự đồng lòng, nhất trí của các cấp, các ngành, các địa phương; các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trong đó, có các doanh nghiệp có vốn nhà nước vẫn giữ được đà tăng trưởng, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát.

Từ khóa: Hiệu quả, vốn nhà nước, doanh nghiệp

THE BUSINESS PERFORMANCE OF STATE-OWNED ENTERPRISES

Le Duy Long

In recent years, despite complex and unpredictable global and domestic economic situation, the world economy has been recovering unevenly and unsustainably; inflation has been rising rapidly; financial and currency markets have been volatile, with many underlying risks. However, under the leadership of the political system and the determined guidance and management of the Government, along with the consensus and concerted efforts of all levels, sectors, and localities; the agreement, support, sharing, and active participation of the people, business community, the economy and society have maintained growth, social security, macroeconomic stability, and inflation control; state-owned enterprises have continued to grow and play a significant role in the national economy.

Keywords: Efficiency, state capital, enterprises

Ngày nhận bài: 8/4/2024

Ngày hoàn thiện biên tập: 15/4/2024

Ngày duyệt đăng: 22/4/2024

Kết quả đạt được

Thời gian qua, doanh nghiệp có vốn nhà nước cơ bản đã được tái cơ cấu toàn diện theo Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ đối với giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ đối với giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ đối với giai đoạn 2021-2025. Theo các báo cáo của Chính phủ gửi Quốc hội về hoạt động đầu tư vốn

nhà nước vào doanh nghiệp và việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc trong các năm từ 2016-2022, số lượng doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có sự thay đổi giảm đáng kể từ 583 doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2016 xuống còn 478 doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2022 (giảm 105 doanh nghiệp).

Các doanh nghiệp có vốn nhà nước đã thực hiện được vai trò, nhiệm vụ chủ sở hữu vốn giao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước điều tiết kinh tế, ổn định vĩ mô, bảo đảm cân đối lớn của nền kinh tế; có sự tăng trưởng đáng kể về quy mô doanh nghiệp và có đóng góp số thu cho ngân sách nhà nước. Ngoài ra, doanh nghiệp có vốn nhà nước vẫn tiếp tục đóng vai trò thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích như: năng lượng, kết cấu hạ tầng, dịch vụ viễn thông vẫn đang được các doanh nghiệp có vốn nhà nước phát huy thế mạnh trong nền kinh tế thị trường.

Về mặt xã hội, doanh nghiệp có vốn nhà nước đã tạo việc làm cho gần 01 triệu người lao động và có mức thu nhập tương đối ổn định so với thực trạng của kinh tế Việt Nam trong thời gian qua. Tổng hợp theo báo cáo của các bộ, ngành, địa phương tính đến ngày 31/12/2022, cả nước có 827 doanh nghiệp có vốn nhà nước (gọi tắt là doanh nghiệp), tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2022, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản là 3.927.466 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2021. Tỷ trọng tài sản cố định bình quân chiếm 31% tổng tài sản. Trong đó khối các tập đoàn, tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con (sau đây gọi là TĐ, TCT, Công ty mẹ -



con) có tổng tài sản là 3.553.091 tỷ đồng, chiếm 90% tổng tài sản của các doanh nghiệp.

- Vốn chủ sở hữu là 1.845.505 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2021. Trong đó, khối các tập đoàn, tổng công ty (TĐ, TCT), Công ty mẹ - con là 1.635.920 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2021, chiếm 89% tổng vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp.

- Tổng vốn nhà nước đang đầu tư tại 827 doanh nghiệp là 1.720.837 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2021 (doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là 1.556.863 tỷ đồng và các doanh nghiệp còn lại là 163.974 tỷ đồng).

- Tổng doanh thu đạt 2.752.607 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2021. Trong đó, khối các TĐ, TCT, Công ty mẹ - con là 2.504.988 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2021, chiếm 91% tổng doanh thu của các doanh nghiệp.

- Lãi phát sinh trước thuế đạt 247.905 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2021. Trong đó, khối các TĐ, TCT, Công ty mẹ - con là 224.495 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2021, chiếm 91% tổng lãi phát sinh trước thuế của các doanh nghiệp.

- Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước (NSNN) là 391.550 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2021, chủ yếu thu từ hoạt động kinh doanh nội địa (chiếm 75% tổng số phát sinh phải nộp NSNN). Trong đó, khối các TĐ, TCT, Công ty mẹ - con là 337.903 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2021, chiếm 86% tổng số phát sinh phải nộp của các doanh nghiệp.

Một số tồn tại, hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn nhà nước vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

- Một số doanh nghiệp chưa thể hiện rõ vai trò nổi bật trong việc dẫn dắt, tạo động lực, thúc đẩy các thành phần khác phát triển, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị gia tăng. Các doanh nghiệp này còn yếu ở những ngành có ảnh hưởng, quyết định đến việc hỗ trợ nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và của khu vực doanh nghiệp Việt Nam.

- Vai trò của doanh nghiệp trong hỗ trợ và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn chưa nổi bật. Bên cạnh một số doanh nghiệp có vốn nhà nước đã tạo điều kiện để các thành phần kinh tế khác, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào các quá trình hay chu trình sản xuất; hầu hết các TĐ, TCT nhà nước hoạt động trong ngành, lĩnh vực then chốt, mũi nhọn đều vận hành theo phương thức

khép kín, thực hiện gần như toàn bộ các khâu của quá trình sản xuất, kinh doanh để tạo thành chuỗi sản xuất khép kín nội bộ, chưa tạo nhiều điều kiện để doanh nghiệp khác tham gia.

- Hiệu quả hoạt động chưa tương xứng với nguồn lực nắm giữ. Hiệu quả đầu tư trong thời gian qua chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng khi phê duyệt dự án, một số dự án có vốn đầu tư lớn nhưng không thành công, rủi ro cao; một số dự án có lỗ lũy kế lớn, lỗ liên tiếp trong nhiều năm, phương thức tái cấu trúc chưa hiệu quả. Một số dự án đầu tư còn chậm tiến độ triển khai; công tác thanh quyết toán các dự án xây dựng cơ bản kéo dài làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực. Việc thực hiện các dự án đầu tư mới của DNNN trong thời gian qua không được thúc đẩy.

- Các dự án đầu tư ra nước ngoài có lỗ lũy kế tiếp tục tăng, những dự án gặp khó khăn, vướng mắc và tồn tại, tiềm ẩn rủi ro, tiếp tục chưa phát sinh thu hồi vốn đầu tư hoặc có phương án tái cấu trúc trong năm 2022, một số dự án không có báo cáo hoặc báo cáo thông tin không đầy đủ, thiếu thống nhất dẫn đến khó khăn trong công tác tổng hợp, đánh giá.

- Chưa thực hiện đầy đủ quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm để hoạt động theo cơ chế thị trường: pháp luật quy định chi tiết các trường hợp doanh nghiệp phải xin ý kiến chấp thuận hoặc phê duyệt của cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính và các cơ quan có liên quan về quản lý tài chính, huy động vốn, đầu tư ra bên ngoài... DNNN phải tuân thủ các quy định đặc thù về hạn chế quyền như hạn chế phạm vi đầu tư vốn thành lập hoặc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp, đầu tư bổ sung vốn; không được tự chủ quyết định việc đầu tư ra nước ngoài...

- Trách nhiệm thực thi quyền chủ sở hữu nhà nước chưa thật sự rõ ràng; cơ quan đại diện chủ sở hữu thiếu nguồn lực để hoạt động chuyên trách, chuyên nghiệp và hiệu quả thể hiện qua việc chưa thực hiện triệt để việc tách bạch chức năng chủ sở hữu với chức năng quản lý nhà nước.

- Công tác đổi mới quản trị doanh nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ trong điều hành sản xuất kinh doanh còn chậm, chưa thực sự hướng theo các nguyên tắc và thông lệ quốc tế tốt, phù hợp với kinh tế thị trường hiện đại; chi phí sản xuất kinh doanh còn lớn; công nghệ và công cụ quản trị kinh doanh chậm đổi mới. Chế độ đãi ngộ và xử lý trách nhiệm như đối với viên chức nhà nước, không tạo được động lực gắn với trách nhiệm theo cơ chế thị trường.

- Việc thực hiện pháp luật công bố thông tin còn mang tính hình thức, chưa được doanh nghiệp thực hiện đầy đủ và nghiêm túc.

- Tình hình xử lý 12 dự án/doanh nghiệp thuộc



Đề án xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công thương (theo Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ) đến nay như sau: (i) 05 dự án, doanh nghiệp thuộc Vinachem và PVN đã được đưa ra khỏi Đề án; (ii) 03 dự án đã được Bộ Chính trị đồng ý chủ trương và biện pháp cơ cấu tài chính; (iii) 04 dự án/doanh nghiệp đang xây dựng phương án xử lý để trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến.

- Chưa có các chế tài đủ mạnh để mang tính răn đe đối với việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, TĐ, TCT và DNNN không hoàn thành/không triển khai thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ đề ra...

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Nguyên nhân khách quan

Một là, tình hình căng thẳng trong các quan hệ kinh tế, chính trị trên thế giới và khu vực ảnh hưởng đến thị trường tài chính, chứng khoán trong nước và khu vực.

Hai là, giá nguyên, nhiên vật liệu, vật tư đầu vào, nhất là sắt, thép, xăng dầu, chi phí logistics tăng cao, làm tăng chi phí sản xuất, kinh doanh đối với các doanh nghiệp sử dụng các mặt hàng, dịch vụ này làm đầu vào. Thị trường xuất nhập khẩu của một số doanh nghiệp chịu nhiều tác động của thị trường quốc tế.

Ba là, các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại giai đoạn vừa qua hầu hết là các doanh nghiệp lớn, có tình hình tài chính phức tạp, sở hữu nhiều đất đai; hoặc là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích, gắn liền với các hoạt động của địa phương, đóng góp vai trò quan trọng trong việc đảm bảo thực hiện các chiến lược, mục tiêu về an sinh xã hội.

Nguyên nhân chủ quan

Xuất phát từ quan điểm, nhận thức: Tư duy, nhận thức về vai trò, vị trí của DNNN chưa thống nhất dẫn tới lúng túng trong hoàn thiện thể chế và tổ chức thực hiện. Một số vấn đề chưa rõ, còn ý kiến khác nhau nhưng chậm được tổng kết thực tiễn, kết luận để có thể cụ thể hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật. Vai trò, nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị còn chưa cao, chưa quyết liệt trong việc đổi mới hoạt động của doanh nghiệp, công khai minh bạch, đúng quy định pháp luật, đảm bảo nguyên tắc thị trường,

chống lợi ích nhóm trong cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước.

Từ cơ chế, chính sách: Cơ chế, chính sách quản lý đối với DNNN còn bất cập, chưa tạo điều kiện phát huy hết tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN; hệ thống tiêu chí đánh giá DNNN chưa đầy đủ, DNNN chưa thực sự có quyền tự chủ theo cơ chế thị trường; quy định về DNNN bị phân tán tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật, được ban hành ở các thời điểm khác nhau, do các cơ quan chuẩn bị khác nhau nên có những quy định vướng mắc, chồng chéo nhất định. Vướng mắc về thể chế chậm được nghiên cứu, hoàn thiện, bổ sung để tháo gỡ và thúc đẩy quá trình cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Từ nội tại DNNN: Do nhiều yếu tố cấu thành nên bản thân DNNN chậm đổi mới, chưa theo kịp và thích ứng với yêu cầu và bối cảnh phát triển kinh tế thị trường; Chưa quyết liệt trong công tác cổ phần hóa, thoái vốn, còn hình thức, thiếu khả thi và chưa sát với thực tế. Đa số các TĐ, TCT, DNNN chưa chủ động triển khai các chính sách pháp luật về đất đai, đến khi phải thực hiện cổ phần hóa mới bắt đầu thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, từ đó ảnh hưởng đến tiến độ cổ phần hóa.

Ngoài ra, DNNN vẫn còn hiện diện trong nhiều ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không cần duy trì sở hữu vốn; Các quy định về tiền lương và chế độ đãi ngộ khác cho người quản lý DNNN chưa phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, chưa tạo động lực vật chất cho người quản lý, lao động tại DNNN; Các doanh nghiệp còn lúng túng trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm theo quy định tại Luật số 69/2014/QH13, đặc biệt là chiến lược phát triển kinh doanh theo hướng bền vững để tận dụng những cơ hội phát triển của thời kỳ mới.

Kế hoạch triển khai thời gian tới

Để hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn nhà nước đạt hiệu quả cao, trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tạo sự nhất trí cao trong toàn hệ thống chính trị để nâng cao hơn nữa nhận thức và có hành động quyết liệt, cụ thể trong thực hiện.

Hai là, hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách. Cụ thể là trình Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình xây dựng luật năm 2024 về sửa đổi toàn diện



Luật số 69/2014/QH13 nhằm hoàn thiện, xây dựng khung khổ pháp lý về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đồng bộ với các Luật có liên quan.

Ba là, nâng cao hiệu quả hoạt động, sắp xếp của DNNN. Các cơ quan đại diện chủ sở hữu, Ủy ban quản lý vốn nhà nước, trên cơ sở bám sát các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của ngành, vùng, địa phương; chỉ đạo các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước khẩn trương hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm và hàng năm, trong đó tập trung vào các dự án đầu tư quy mô lớn, có tác động lan tỏa tới sự phát triển kinh tế xã hội, góp phần thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của ngành, địa phương. Trong đó, xác định rõ ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp và danh mục các dự án đầu tư, tiến độ và nguồn lực thực hiện.

Đẩy nhanh tiến độ trình cấp có thẩm quyền ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2035 và Chiến lược về sản xuất năng lượng hydrogen. Trên cơ sở đó lựa chọn một số TĐ, TCT có đủ năng lực (Viettel, VNPT, PVN...) giao nhiệm vụ cùng nguồn lực và nghiên cứu cơ chế, chính sách để tập trung đầu tư cho hoạt động nghiên cứu hoặc hình thành các trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D), các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với việc thực hiện Chiến lược được giao nhằm trở thành doanh nghiệp dẫn dắt trong các ngành Công nghiệp mới, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 29-NQ/TW về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030...

Tập trung chỉ đạo các doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo chất lượng các dự án đầu tư. Tập trung cao độ nguồn lực để bảo đảm các mốc tiến độ thực hiện đối với những dự án lớn, quan trọng.

Bốn là, tăng cường công khai, minh bạch, giám sát, kiểm tra. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với tập đoàn, tổng công ty theo hướng khuyến khích thuê công ty kiểm toán lớn có đủ năng lực, kinh nghiệm, uy tín thực hiện giám sát, kịp thời đưa ra cơ chế cảnh báo song song với vai trò quản lý nhà nước của bộ, ngành, cơ quan đại diện chủ sở hữu. Đẩy mạnh công tác thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong DNNN.

Đồng thời, nâng cao trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu và DNNN trong thực hiện quy định pháp luật về công bố thông tin, bổ sung và cụ thể hóa các quy định về xử lý vi phạm trong trường hợp không công bố thông tin hoặc công bố thông tin không đảm bảo yêu cầu kịp thời, đầy đủ, tin cậy.

Năm là, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng quản trị/người đại diện phần vốn nhà nước tại các TĐ kinh tế, TCT nhà nước với việc phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án cơ cấu doanh nghiệp, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổ chức và giám sát việc triển khai thực hiện có hiệu quả.

Sáu là, thúc đẩy vai trò giám sát của tổ chức Đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp. Cụ thể, khẳng định rõ vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng trong hoạt động của doanh nghiệp, để từ đó có sự phân định rõ ràng trong lãnh đạo, quản lý và điều hành doanh nghiệp; đồng thời đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Chỉ đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên phát huy sức mạnh và làm nòng cốt phát động và triển khai các phong trào thi đua đối với cán bộ, công nhân viên chức và người lao động trong doanh nghiệp, gắn các nội dung và hình thức tiến hành cuộc vận động với việc nâng cao ý thức trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ chính trị hướng vào các phong trào thi đua.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật;
2. Ban Chấp hành Trung ương (2017), Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN;
3. Chính phủ (2022), Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2022 về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế xã hội;
4. Chính phủ (2023), Báo cáo số 482/BC-CP ngày 30/9/2023 về hoạt động đầu tư, quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc năm 2022;
5. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 - 2025".

Thông tin tác giả:

Lê Duy Long - Cục Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính)

Email: Leduylong@mof.gov.vn